CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 66/NTF/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD

Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 38267999 Fax: (028) 39435949

E-mail: nutifood@nutifood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0301951270

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA UỐNG DINH DƯỠNG GIPPSNATURE JUNIOR GROWING UP**

2. Thành phần: Sữa tươi tách béo (96 %), maltodextrin, mật ong Manuka (0,9 %), chất xơ hòa tan (Inulin), hương liệu tự nhiên, chất nhũ hóa (322(i)), hỗn hợp calci và khoáng từ sữa, DHA từ tảo, hỗn hợp vitamin (C, E, D3), chất ổn định (407).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: hộp 200 ml.
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong hộp giấy tiệt trùng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Bình Dương (ký hiệu 1).

Địa chỉ: Lô E3, E4 Khu Công Nghiệp Mỹ Phước, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Cao Nguyên (ký hiệu 2).

Địa chỉ: Lô E1-E2-E3 (G3-G2-G1, theo CV số 41/QĐ-BQL ngày 30/5/2012) Khu Công Nghiệp Trà Đa, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng NutiFood Việt Nam (ký hiệu 3).

Địa chỉ: Đường C3 khu C, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: chi tiết theo nhãn sản phẩm đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo quy định của văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn sản phẩm số TCCS 66:2026/NTF: theo bảng tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0301951271 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ LỆ

M.S.D.N: 0301951270 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NSX:

HSD:

LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

ViPlus Nutritional Australia*

AUSTRALIA NUTRITION SCIENCE***

Nature

d Calcium

OD
. MILK

Net content:
200 ml

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS
GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/ AVERAGE VALUE

Thành phần Composition	Đơn vị Unit	Trong 200 ml Per 200 ml
Năng lượng / Energy	kcal	104
Chất đạm / Protein	g	6,7
Chất béo / Fat	g	3,0
DHA	mg	15
Carbohydrat / Carbohydrate	g	12,0
Đường tổng số / Total sugars	g	9,0
Chất xơ hòa tan (Inulin) / Soluble dietary fiber (Inulin)	g	1,38
Lysin / Lysine	mg	412
Arginin / Arginine	mg	160
Threonin / Threonine	mg	180
Vitamin C	mg	14
Vitamin E	IU	1,44
Vitamin D3	IU	240
Vitamin B2	µg	206
Calci / Calcium	mg	240
Phospho / Phosphorus	mg	180
Magnesi / Magnesium	mg	21
Kẽm / Zinc	mg	0,48
Selen / Selenium	µg	1,7
Natri / Sodium	mg	50
Kali / Potassium	mg	190
Clorid / Chloride	mg	130

Hàm lượng của các chất không thấp hơn 80 % giá trị ghi nhãn.
The content of nutrients is not less than 80 % value on the label.

CHUYÊN GIA TƯ VẤN DINH DƯỠNG
(028) 38 255 777
Email: nutifood@nutifood.com.vn

8 935049 021346

GippsNature

JUNIOR GROWING UP

- 100% Calci từ sữa
- DHA từ tảo
- Mật ong Manuka
- Chất xơ hòa tan (Inulin)

THỰC PHẨM BỔ SUNG
SỮA UỐNG DINH DƯỠNG

THỂ TÍCH THỰC
200 ml

ViPlus Nutritional Australia*

AUSTRALIA NUTRITION SCIENCE***

Sữa uống dinh dưỡng GippsNature Junior Growing Up với 100% Calci từ sữa ** hỗ trợ phát triển chiều cao và xương chắc khoẻ. Kết hợp cùng với DHA từ Tảo giúp phát triển trí não, Mật ong Manuka và Chất xơ hòa tan (Inulin) hỗ trợ tiêu hoá khoẻ mạnh.



100% Calci từ sữa **
Hỗ trợ tăng chiều cao và xương chắc khỏe, trong khi Vitamin D3 hỗ trợ hấp thu Calci hiệu quả.

DHA từ Tảo
Hỗ trợ phát triển não bộ và tăng cường nhận thức.

Mật ong Manuka
Hỗ trợ tăng cường sức khỏe tiêu hóa và sức khỏe tổng thể.

Chất xơ hòa tan (Inulin)
Giúp kích thích hoạt động của vi khuẩn có lợi trong đường ruột, hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe mạnh.

THÀNH PHẦN:
Sữa tươi tách béo (96%), maltodextrin, mật ong Manuka (0,9 %), chất xơ hòa tan (Inulin), hương liệu tự nhiên, chất nhũ hóa (322(i)), hỗn hợp calci và khoáng từ sữa, DHA từ tảo, hỗn hợp vitamin (C, E, D3), chất ổn định (407).
Có chứa sữa, đậu nành.
Không sử dụng chất bảo quản.
Không dùng cho người mẫn cảm với thành phần sản phẩm.
Cách dùng: Ngon hơn khi uống lạnh. Sản phẩm sử dụng cho 1 lần uống.
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
Đối tượng sử dụng: Dành cho trẻ trên 3 tuổi.
Lượng dùng khuyến nghị: 3 hộp mỗi ngày.
*GippsNature là thương hiệu của ViPlus Nutritional Australia Pty Ltd, 67 Toora Jetty Road, VIC 3962, Úc.
**Calci từ sữa là tổng lượng calci từ các thành phần, nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa: sữa tươi tách béo, hỗn hợp calci và khoáng từ sữa.
***Công thức được hợp tác nghiên cứu và phát triển bởi ViPlus Nutritional Australia Pty Ltd., 67 Toora Jetty Road, Toora VIC 3962, Úc và Australia Nutrition Science Pty Ltd., 159-171 Wellington Road, Clayton, VIC 3168, Úc.
Hạn sử dụng và Ngày sản xuất: xem trên hộp.
Công bố bởi: Công Ty CP Thực Phẩm Dinh Dưỡng Nutifood.
Địa chỉ: Tầng 4, cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam.
www.gippsnature.com.au
CBSP số:

Gipps

JUNIOR GROWING UP

- 100% Milk-source
- DHA from Algae
- Manuka Honey
- Dietary fiber Inulin

SUPPLEMENTED FO
RTD NUTRITIONAL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202525

Mã số EoI : 005-32410-575566
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA UỐNG DINH DƯỠNG GIPPSNATURE JUNIOR GROWING UP
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 22/10/2025 - 25/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD347 VD (a) ***Enterobacteriaceae***	cfu/ ml	ISO 21528-2:2017	**Không phát hiện (LOD=1)**
2	VD390 VD (a) ***Listeria monocytogenes***	cfu/ ml	ISO 11290-2:2017	**Không phát hiện (LOD=1)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N:0311626885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202526

Mã số EoI : 005-32410-575567
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA UỐNG DINH DƯỠNG GIPPSNATURE JUNIOR GROWING UP
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
2	VD860 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
3	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
4	VD857 VD (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.007)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD
Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : PR9K2510211140-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00202527

Mã số EoI : 005-32410-575568
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA UỐNG DINH DƯỠNG GIPPSNATURE JUNIOR GROWING UP
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 21/10/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2025 - 27/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD640 VD (a) **Aflatoxin M1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
2	VD020 VD (a) **Melamine**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	**Không phát hiện (LOD=0.05)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260 (TPTN26005620.01)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	06/04/2026 Trang 01/14

1. Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA UỐNG DINH DƯỠNG GIPPSNATURE JUNIOR GROWING UP**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên hộp.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 24/03/2026

5. Thời gian thử nghiệm : 24/03/2026 - 06/04/2026

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CP THỰC PHẨM DINH DƯỠNG NUTIFOOD Tầng 4, Cao ốc H3, 384 Hoàng Diệu, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Ngô Quốc Việt

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam No. 1, D2 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng thuốc thú y, µg/kg			
• Albendazole	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Amoxicillin	QUATEST3 1190:2023	2	Không phát hiện
• Benzylpenicillin	QUATEST3 1190:2023	2	Không phát hiện
• Procainbenzylpenicillin	QUATEST3 1190:2023	2	Không phát hiện
• Ceftiofur	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Chlortetracycline	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Oxytetracycline	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Tetracycline	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Clenbuterol	QUATEST3 1190:2023	0,025	Không phát hiện
• Colistin	QUATEST3 1190:2023	15	Không phát hiện
• Dexamethasone	QUATEST3 1190:2023	0,15	Không phát hiện
• Dihydrostreptomycin	QUATEST3 1190:2023	30	Không phát hiện
• Streptomycin	QUATEST3 1190:2023	30	Không phát hiện
• Diminazene	QUATEST3 1190:2023	50	Không phát hiện
• Doramectin	QUATEST3 1190:2023	5	Không phát hiện
• Eprinomectin	QUATEST3 1190:2023	5	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 9 Dang Van Bi street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/04/2026

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Febantel	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Fenbendazole	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Oxfendazole	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Gentamicin	QUATEST3 1190:2023	30	Không phát hiện
• Imidocarb	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Isometamidium	QUATEST3 1190:2023	50	Không phát hiện
• Ivermectin	QUATEST3 1190:2023	5	Không phát hiện
• Lincomycin	QUATEST3 1190:2023	50	Không phát hiện
• Neomycin	QUATEST3 1190:2023	30	Không phát hiện
• Pirlimycin	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Spectinomycin	QUATEST3 1190:2023	30	Không phát hiện
• Spiramycin	QUATEST3 1190:2023	50	Không phát hiện
• Sulfadimidine	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Thiabendazole	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Tylosin	QUATEST3 1190:2023	10	Không phát hiện
• Monensin	QUATEST3 1190:2023	1	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1M6 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Cyfluthrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	10	Không phát hiện
• Cyhalothrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	10	Không phát hiện
• Cypermethrin & Alpha – cypermethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	10	Không phát hiện
• Deltamethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	10	Không phát hiện
• Trichlorfon	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	10	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.2. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg			
• Fipronil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• 2,4-D	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Abamectin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Acephate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Acetamiprid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Aldicarb	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Aldrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Aminocyclopyrachlor	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Aminopyralid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Amitraz	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Azoxystrobin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Bentazone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Benzovindiflupyr	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Bifenazate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Bifenthrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/04/2026

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Bitertanol	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Boscalid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Buprofezin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Carbaryl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Carbendazim	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Chlorantraniliprole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Chlordane	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Chlormequat	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Chlorothalonil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Chlorpropham	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0002	Không phát hiện
• Chlorpyrifos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Chlorpyrifos-Methyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Clethodim	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Clofentezine	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,025	Không phát hiện
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Cyantraniliprole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Cycloxydim	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Cyflumetofen	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Cyfluthrin/ beta-cyfluthrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Cyhalothrin (bao gồm lambda - cyhalothrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Cypermethrin (bao gồm alpha and zeta - cypermethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Cyproconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Cyprodinil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0002	Không phát hiện
• Cyromazine	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• DDT (2,4'-DDT + 4,4'-DDD + 4,4-'DDE + 4,4'-DDT)	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Deltamethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Diazinon	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Dicamba	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dichlobenil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dichlorvos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ No. 232 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Dieldrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Difenoconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Diflubenzuron	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dimethenamid-P	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dimethipin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dimethoate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Dimethomorph	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dinotefuran	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Diphenylamine	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Diquat	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Disulfoton	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dithianon	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Dithiocarbamates(1)	QUATEST3 1162:2023	0,05	Không phát hiện
• Emamectin benzoate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0005	Không phát hiện
• Metaflumizone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1158 Street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Endosulfan	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Ethephone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,025	Không phát hiện
• Ethoprophos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Etofenprox	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Etoxazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Famoxadone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenamidone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenamiphos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Fenbuconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenbutatin Oxide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,025	Không phát hiện
• Fenhexamid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenitrothion	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Fenpropathrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenpropimorph	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fenpyroximate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam Q1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Fenvalerate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Flubendiamide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fludioxonil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Flufenoxuron	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• flumethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,025	Không phát hiện
• Fluopicolide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Fluopyram	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Flusilazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Flutolanil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Fluxapyroxad	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Lindane (Gamma-HCH)	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Glufosinate-Ammonium	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Glyphosate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Haloxyfop	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Heptachlor	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Hexythiazox	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,025	Không phát hiện
• Imazamox	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Imazapic	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Imazapyr	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Imidacloprid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Indoxacarb	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Isopyrazam	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Isoxaflutole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Kresoxim-Methyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• MCPA	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Mesotrione	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Methamidophos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Methidathion	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0005	Không phát hiện
• Methomyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Methoprene	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: [illegible] - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Methoxyfenozide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Metrafenone	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Myclobutanil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Novaluron	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Oxamyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Oxydemeton-Methyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Paraquat	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• penconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Penthiopyrad	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Permethrin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Phorate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Phosmet	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Piperonyl Butoxide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Pirimicarb	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Pirimiphos-Methyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1346 3 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Prochloraz	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Profenofos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Propamocarb	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Propargite	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Propiconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Prothioconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,002	Không phát hiện
• Pyraclostrobin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Pyrimethanil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Quinoxyfen	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Saflufenacil	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Sedaxane	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Spinetoram	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Spinosad	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Spirodiclofen	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,002	Không phát hiện
• Spirotetramate	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A031260
(TPTN26005620.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
• Sulfoxaflor	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Tebuconazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Tebufenozide	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Terbufos	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Thiacloprid	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Thiamethoxam	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Triadimefon	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,001	Không phát hiện
• Triadimenol	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Trichlorfon	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Trifloxystrobin	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện
• Triflumizole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Triforine	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,005	Không phát hiện
• Trinexapac-ethyl	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,0025	Không phát hiện
• Thiabendazole	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	0,01	Không phát hiện

Ghi chú: (1): Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật dithiocarbamat khảo sát trên:Mancozeb; Propineb; Zineb.

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.